

## Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Kể tên được một số loại hình nghệ thuật dân gian tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu được đặc điểm, cảm nhận về nghệ thuật âm nhạc và nghệ thuật tạo hình (ở các làng nghề truyền thống) tại tỉnh Quảng Ngãi.
- Mô phỏng được một số hoạ tiết của nghệ thuật tạo hình ở các làng nghề truyền thống tại tỉnh Quảng Ngãi.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá nghệ thuật của quê hương Quảng Ngãi.



## MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi là vùng đất có đời sống văn hoá, nghệ thuật phát triển phong phú và giàu bản sắc với các điệu múa, điệu hát, điệu lí, điệu hò của các dân tộc Kinh, Hre, Co, Ca Dong,... mang đậm sắc thái trữ tình, âm hưởng trầm hùng, lạc quan yêu đời gắn với đời sống tâm linh, khát vọng bình yên, no ấm; với những làng nghề thủ công truyền thống như gốm Mỹ Thiện, đúc đồng Chú Tượng, thổ cẩm Làng TENG,...



Hình 3.1. Đội sắc bùa Phổ An trình diễn tại Đền thờ Anh hùng Trương Định



Hình 3.2. Sản phẩm gốm Mỹ Thiện  
(thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn)



Hình 3.3. Thảm cẩm Lăng Teng  
(xã Ba Thành, huyện Ba To)



Kể tên một số loại hình nghệ thuật dân gian ở tỉnh Quảng Ngãi mà em biết.



## 1. Vài nét về nghệ thuật âm nhạc ở Quảng Ngãi

**a) Vùng đồng bằng, ven biển – hải đảo** (Bao gồm: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Lý Sơn).

Nghệ thuật âm nhạc vùng đồng bằng, ven biển – hải đảo là những loại hình diễn xướng dân gian độc đáo như: hát múa bả trạo, hát múa sắc bùa,... gắn liền với các lễ hội Cầu ngư, thờ cá Ông, thờ nữ thần,... lời hát, câu hát gắn liền với đời sống tâm linh, khát vọng bình yên, no ấm. Hát múa bả trạo nổi tiếng ở vùng ven biển huyện Bình Sơn như: Bầu Bèo, Tuyệt Diêm, Đông Yên với các điệu múa cách điệu từ cuộc sống gian nan, vất vả của người dân vùng biển; hát múa sắc bùa ở thị xã Đức Phổ lại cho thấy sự thành thực, uyển chuyển trong sử dụng nhạc cụ sanh tiền, tạo nên sự đa dạng về giai điệu, tiết tấu.





Hình 3.4. Hát múa bãi trạo



Hình 3.5. Hát múa sắc bùa

Các điệu lí, điệu hò với những bài dân ca do nhân dân sáng tác. Lời ca thường được sử dụng từ câu ca dao, câu thơ lục bát,... được truyền miệng từ đời này qua đời khác và phổ biến ở từng vùng, từng miền.

Lí là những bài dân ca ngắn gọn, giản dị, mộc mạc. Mỗi làn điệu của một bài lí đều có nét riêng tùy thuộc vào nội dung của những câu thơ, câu ca dao như: các bài *Lí thiên thai, Lí cây khế, Lí tang tít,...*

Hò là một khúc dân ca, thường hát khi lao động. Hò để thúc đẩy nhịp độ lao động, để động viên, cổ vũ, để giải trí khi làm việc mệt nhọc, để bày tỏ tình cảm với quê hương đất nước và con người như: *Hò hụi, Hò tát nước, Hò giặt chi,...* Điệu hò có phần “xướng” và phần “xô” như sau:

- Xướng: dành cho một người có giọng tốt hát (hát phần lời ca chính).
- Xô: dành cho tập thể vừa làm vừa hát theo động tác lao động (hát phần lời đệm).

**b) Vùng miền núi** (Bao gồm các huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ)

Nghệ thuật âm nhạc vùng miền núi cũng mang nhiều sắc thái khác nhau gắn với đời sống văn hoá, phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số Hre, Co, Ca Dong.

Nghệ thuật âm nhạc dân tộc Hre mang đậm sắc thái trữ tình, sâu lắng, thể hiện qua tiết tấu đa dạng của dàn chiêng ba (ching mon), đàn brook, kèn ra ngói, kèn tà vồ, chinh kla, các điệu hát ta lêu (ca lêu), ca chơi.



Hình 3.6. Vũ điệu dân gian của người Hre

Nghệ thuật âm nhạc dân tộc Co có âm hưởng trầm hùng, mạnh mẽ với diễn tấu sôi động của các chàng trai trong màn đấu chiêng, nhịp chân khoẻ khoắn của các cô gái trong điệu múa cà đáo (Kadáo), các điệu hát xà ru, a giới,...

Nghệ thuật âm nhạc dân tộc Ca Dong thể hiện tính lạc quan, yêu đời của một tộc người vốn quen sống ở vùng núi cao được phổ biến qua âm hưởng của dàn chiêng h'len, đàn bầu, làn điệu dân ca ra nghệ, dê ô dê,...



Hình 3.7. Nghệ thuật “đấu chiêng” của người Co



Hình 3.8. Hát dân ca truyền thống của người Ca Dong

## 2. Vài nét về nghệ thuật tạo hình ở các làng nghề Quảng Ngãi

### a) Gốm Mỹ Thiện

Mỹ Thiện (thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn) là một trong những làng gốm hưng vượng một thời. Gốm Mỹ Thiện được sản xuất theo phương thức tạo hình thủ công với kỹ thuật bàn xoay; nguyên liệu làm cốt gốm là đất sét được lọc kỹ tạp chất, men gốm được sản xuất bằng cách nghiền các loại đá núi trong vùng, pha thêm chì, đồng, vôi ốc và một số phụ gia khác theo bí quyết trao truyền



Hình 3.9. Tạo hoa tiết gốm Mỹ Thiện

nhiều đời và khả năng sáng tạo không ngừng của các nghệ nhân. Trong phân công sản xuất, thợ gốm nữ chuyên lo khâu tạo hình, chuốt sản phẩm; còn thợ gốm nam chuyên lo khâu vận chuyển và làm đất, nung, đắp hình, làm men.



Các sản phẩm của gốm Mỹ Thiện chủ yếu là đồ gia dụng như: chum, ghè, các loại vò, ché, bình vôi, hũ, thạp, ấm trà, bình hoa, tượng động vật,... Các nghệ nhân bằng đôi tay khéo léo cùng óc sáng tạo của mình đã đưa những hình vẽ rồng, phụng, hoa, quả,... vào sản phẩm với những hoạ tiết sống động. Nhiều người cho rằng, nghệ nhân làm gốm chính là những người “thối hồn” vào đất. Một số sản phẩm gốm Mỹ Thiện được tráng men như: bình hoa, bình vôi, tượng động vật, ấm trà, ché đựng rượu,... Men gốm Mỹ Thiện có màu từ tím đậm đến tím nhạt, vàng, vàng ngả sang xanh ngọc. Từ lâu, gốm Mỹ Thiện không chỉ có mặt ở hầu



Hình 3.10. Sản phẩm gốm Mỹ Thiện

khắp tỉnh Quảng Ngãi mà còn vươn ra các tỉnh, thành phố lân cận như: Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định và ngược lên tới Tây Nguyên.

Trải qua nhiều biến động, làng gốm Mỹ Thiện hiện nay chỉ còn lại một lò gốm duy nhất. Nét độc đáo của gốm tráng men Mỹ Thiện là kĩ thuật nung qua 2 lửa. Lần nung thứ nhất để tạo cho xương gốm chắc. Lần thứ hai, sản phẩm gốm được nhúng men rồi cho vào lò nung, với lần nung này, màu sắc sản phẩm sẽ thay đổi theo nhiệt độ. Gốm Mỹ Thiện xứng đáng được xếp vào hàng những dòng gốm có giá trị trong ngôi nhà gốm Việt, cần được bảo tồn, có giải pháp nâng cao chất lượng và kĩ thuật tạo hình để phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường gốm sứ hiện nay.

### b) Đúc đồng Chú Tượng

Làng đúc đồng Chú Tượng nằm ở phía tây nam Núi Vom, thôn Chú Tượng, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức. Không phải ngẫu nhiên mà nơi đây có tên gọi là Chú Tượng. “Chú” nghĩa là “thợ”, “tượng” là “đúc”, tức là làng thợ đúc.

Để trở thành một người thợ đúc đồng lành nghề không hề đơn giản, điều quan trọng là phải “thấm thấu” cái hồn của nghề. Đối với thợ đúc đồng thì đất sét rất quý, họ phải chọn đất sét loại tốt thì mới tạo hình được chiếc khuôn bền, đẹp; đó là khâu đầu tiên và quan trọng để có được sản phẩm bằng đồng tinh xảo. Người thợ đúc đồng tự mình thiết kế mẫu mã, vẽ vào khuôn đất những hoạ tiết đẹp mắt



Hình 3.11. Sản phẩm chuông đồng Chú Tượng



như gửi vào đó niềm đam mê, để rồi niềm vui không thể diễn tả hết bằng lời khi mỗi sản phẩm bằng đồng ra đời. Làng đúc đồng Chú Tượng được biết đến qua sản phẩm quả chuông Thần trên chùa Thiên Ân lưu truyền đến ngày nay. Một thời, đây là làng nghề đúc đồng nổi tiếng không chỉ ở Quảng Ngãi, có những nghệ nhân nổi tiếng từng được mời ra kinh đô Huế để đúc tượng cho vua Khải Định. Hiện tại, làng nghề chỉ còn vài hộ gia đình cố gắng giữ lửa, mong một ngày nào đó nghề đúc đồng Chú Tượng sẽ được phục hưng.



Hình 3.12. Hoa tiết hoa mai – sản phẩm của làng nghề đúc đồng Chú Tượng

### c) Thổ cẩm Làng Teng

Làng Teng thuộc xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, cách trung tâm thị trấn Ba Tơ khoảng 7 km về phía đông. Nghề truyền thống của người Hrê ở Làng Teng là dệt thổ cẩm với những nét độc đáo riêng từ nguyên liệu, tạo hình hoa văn đến màu sắc sản phẩm.

Nghệ thuật tạo hình hoa văn được thể hiện trên những tấm thổ cẩm của người Hrê rất đa dạng, phong phú, biểu hiện sự gắn gũi với con người như: mây trời, sông suối, núi rừng, nương rẫy, hàng rào,... Mỗi hoa văn đều mang ý nghĩa riêng và góp phần vẽ nên một nét văn hoá chung trong nghệ thuật tạo hình của người Hrê. Có thể phân chia các loại hoa văn trang trí trên thổ cẩm của người Hrê thành các thể loại khác nhau như: hoa văn động vật, thực vật,...

Hoa văn động vật là những con vật nuôi gắn bó với con người thường thấy hoặc các bộ phận của chúng như: hình chân gà, vịt (dènh ia), chân chó (dènh có),... Hoa văn thực vật là thiên nhiên xung quanh như: cỏ cây, hoa lá,...



Hình 3.13. Nghệ nhân Làng Teng truyền nghề dệt thổ cẩm lại cho thế hệ trẻ



Hình 3.14. Người Hrê trong trang phục truyền thống đang tham gia sinh hoạt văn hoá công chiêng

Điểm nổi bật dễ nhận thấy ở những bộ trang phục của người Hrê là thường có hai màu: đỏ và đen. Theo quan niệm của người Hrê, màu đen tượng trưng cho nước và đất, là âm tính – nữ giới; màu đỏ là thể giới vô hình, tượng trưng cho thần linh, là dương tính – nam giới.

Những sản phẩm thổ cẩm không chỉ đơn thuần phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày mà còn là nét văn hoá độc đáo của đồng bào Hrê nơi đây. Cứ đến những ngày Tết, lễ hội, mừng lúa mới,... đồng bào Hrê lại khoác lên mình bộ trang phục thổ cẩm truyền thống của dân tộc.

#### Em có biết?

Tháng 9 năm 2019, nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Hrê ở Làng Teng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.



1. Nêu vài nét về nghệ thuật âm nhạc ở Quảng Ngãi.
2. Nét độc đáo của gốm tráng men Mỹ Thiện là gì?



#### LUYỆN TẬP

1. Kể tên và nêu đặc điểm các loại hình văn hoá, nghệ thuật âm nhạc vùng đồng bằng, ven biển – hải đảo ở Quảng Ngãi.
2. Trình bày đặc điểm văn hoá, nghệ thuật âm nhạc của dân tộc Hrê, Co và Ca Dong.
3. Chọn và mô phỏng lại một trong những hoạ tiết của gốm Mỹ Thiện, thổ cẩm Làng Teng hoặc sản phẩm đồng Chử Tượng mà em yêu thích.



#### VẬN DỤNG

1. Nghe và nêu cảm nhận về các bài hát: *Mía ngọt quê em* (sáng tác: nhạc sĩ Trần Xuân Tiên) và *Kéo lưới trên biển quê hương* (sáng tác: nhạc sĩ Trương Quang Lục).
2. Sưu tầm những bài hát mang âm hưởng dân ca Quảng Ngãi.
3. Viết một đoạn văn nêu cảm nhận về vẻ đẹp của một trong những làng nghề: gốm Mỹ Thiện, thổ cẩm Làng Teng hoặc đúc đồng Chử Tượng.
4. Nêu những việc em và các bạn có thể làm để góp phần gìn giữ và phát huy các loại hình văn hoá, nghệ thuật ở Quảng Ngãi.